

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **10/2019/HNGĐ - ST**

Ngày: 16-4-2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Duy Học

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Liêu

2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:
Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 488/2018/TLST- HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 488/2019/QĐXX - ST ngày 25 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lư Thị T; sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Ngô Xuân P; sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn anh Phúc có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lư Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lư Thị T và anh Ngô Xuân P tự nguyện tìm hiểu và chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước ngày 19/3/2013. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng tới năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh P hay tụ tập ăn

chơi, không chăm lo cho gia đình, vợ con, thường xuyên có bạo lực gia đình, hành hạ chửi bới chị Tiếp. Mâu thuẫn của anh P và chị T đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng khi về chung sống với nhau anh P không thay đổi. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Phúc để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T và anh Phúc có 01 người con chung là cháu Ngô Bảo C; sinh ngày 29/01/2013. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Tiếp cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản gốc đăng ký kết hôn của UBND xã T ngày 19/3/2013; bản sao chứng minh nhân dân, bản sao hộ khẩu, 01 bản sao giấy khai sinh. Ngoài ra, chị Tiếp không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

Bị đơn anh Ngô Xuân P đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng có văn bản xin giải quyết vắng mặt.

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt anh Ngô Xuân P có trình bày thống nhất theo như đơn khởi kiện của chị Lư Thị T, tức đồng ý ly hôn với chị T, về con chung thống nhất để chị T nuôi cháu Ngô Bảo C và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng; Về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, về nợ chung không có không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh P vì anh Phúc đã có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T.

Về con chung giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về nợ chung, tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Các tài liệu, chứng cứ:

Nguyên đơn nộp:

- Giấy khai sinh; sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân
- Giấy kết hôn (bản gốc)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lư Thị T và anh Ngô Xuân P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với bản gốc giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 19/3/2013 đã được chị Tiếp giao nộp hợp pháp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lư Thị T và anh Ngô Xuân P là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Theo lời khai của chị Tiếp trong quá trình mâu thuẫn chị Tiếp và anh P có nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn phát sinh nhiều lần và thường xuyên bắt đầu từ năm 2016 đến nay, anh Phúc không lo làm ăn, chăm sóc gia đình, bạo hành chị T. Đối với anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và trong đơn xin giải quyết vắng mặt anh cũng thống nhất ly hôn với chị T theo như đơn khởi kiện mà chị T yêu cầu toà án giải quyết. Như vậy, mâu thuẫn gia đình là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. **Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng muốn ly hôn của chị Tiếp.**

[2] Về con chung: Có 01 người con chung là Ngô Bảo C sinh ngày 29/01/2013. Xét thấy, cháu Phúc còn nhỏ cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ là cần thiết. Mặt khác, anh P cũng đồng ý để chị T nuôi con. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Ngô Bảo C, sinh ngày 29/01/2013 cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lư Thị T về việc ly hôn. Chị Lư Thị T được ly hôn với anh Ngô Xuân P.

[2] Về con chung: Giao cháu Ngô Bảo C, sinh ngày 29/01/2013 cho chị Lư Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi;

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Chị T và anh Phúc tự thỏa thuận, không yêu cầu toà án giải quyết

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lư Thị T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009012 ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Duy Học